Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

# Chi tiết mã HS 2704

| | |
|---|---|
| **Mã HS** | 2704 |
| **Mô tả hàng hóa** | Than cốc và than nửa cốc luyện từ than đá, than non hoặc than bùn, đã hoặc chưa đóng bánh; muội bình chưng than đá |
| **Đơn vị** | |
| **Thời điểm tạo** | 30/10/2026 14:39:21 |
| **Phiên bản dữ liệu** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Trạng thái xác minh** | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh. |
| **Liên kết** | https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/2704/ |

## 3 dòng thuế thuộc 2704

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 2704.00.10 | Than cốc và than nửa cốc luyện từ than đá, than non hoặc than bùn, đã hoặc chưa đóng bánh; muội bình chưng than đá / - Than cốc và than nửa cốc luyện từ than đá | kg | 4,5% | 3% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 2704.00.20 | Than cốc và than nửa cốc luyện từ than đá, than non hoặc than bùn, đã hoặc chưa đóng bánh; muội bình chưng than đá / - Than cốc và than nửa cốc luyện từ than non hoặc than bùn | kg | 4,5% | 3% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 2704.00.30 | Than cốc và than nửa cốc luyện từ than đá, than non hoặc than bùn, đã hoặc chưa đóng bánh; muội bình chưng than đá / - Muội bình chưng than đá | kg | 5% | 0% | 8 / 10 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.